CTCP Cao Su Đà Nẵng (HSX: DRC)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	28,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.4%	-0.2%	-20.0%

ROE (2024): 12.3% | +/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần (Q4/24): 1,118 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 100 / ▼ 8.2% | YoY: ▲ 21.0 / ▲ 1.9%

DT thuần (2024): 4,673 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 178 / ▲ 4.0%

LN gộp (Q4/24): 141 tỷ VNĐ | QoQ: ▼ 11.0 / ▼ 7.2% | YoY: ▼ 61.0 / ▼ 30.2%

LN gộp (2024): 729 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 80.0 / ▲ 12.5%

LN thuần (Q4/24): 73.1 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 12.3 / ▲ 20.2% | YoY: ▼ 48.9 / ▼ 40.1%

LN thuần (2024): 291 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 16.0 / ▼ 5.3%

LN sau thuế (Q4/24): 59.1 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 13.2 / ▲ 28.9% | YoY: ▼ 36.7 / ▼ 38.3%

LN sau thuế (2024): 232 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 14.0 / ▼ 5.9%

Kết quả kinh doanh

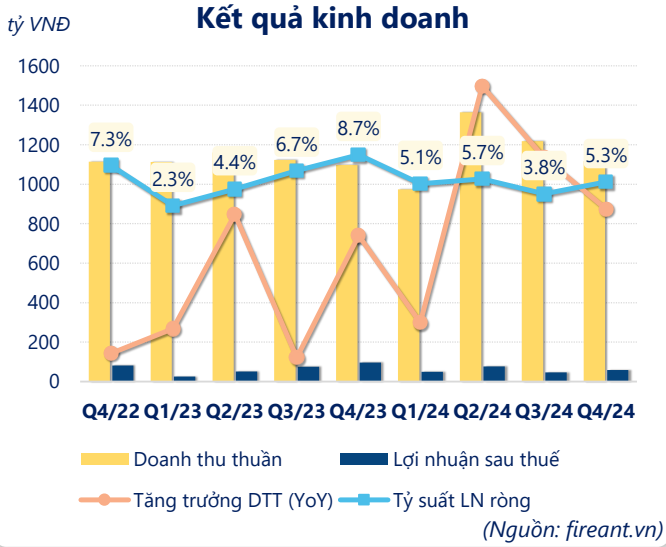

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

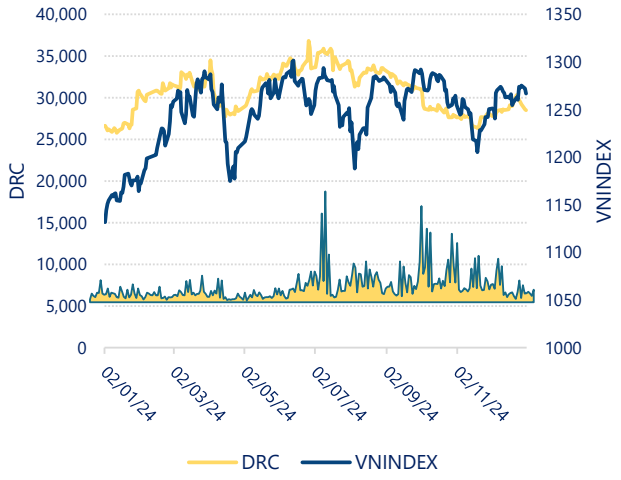

CTCP Cao Su Đà Nẵng (HSX: DRC)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

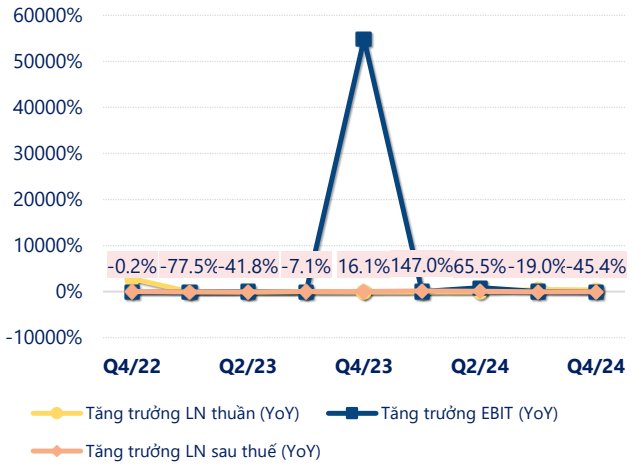

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

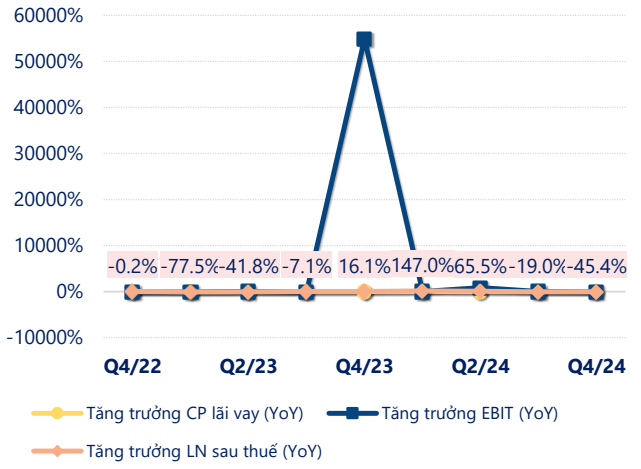

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

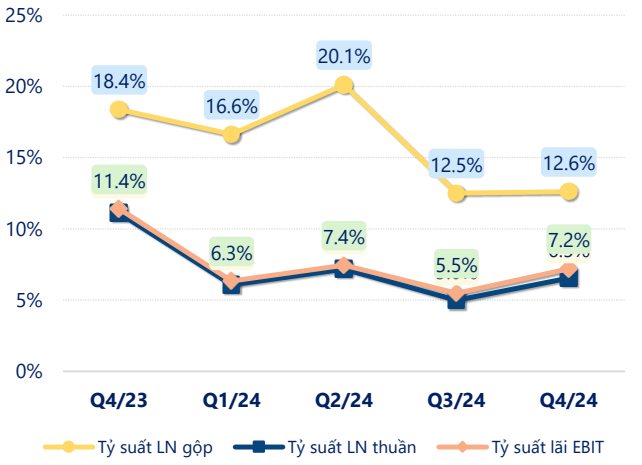

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

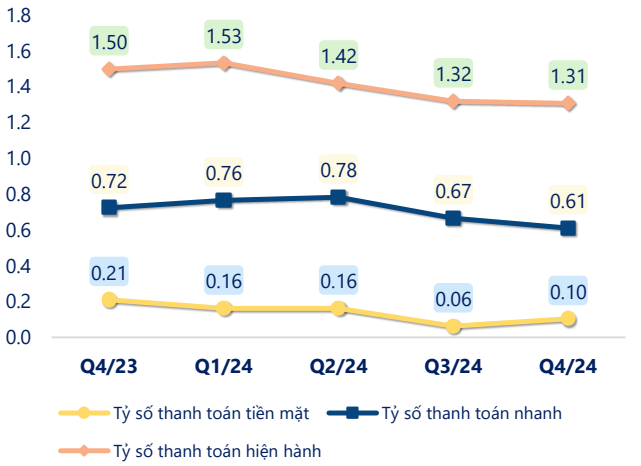

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

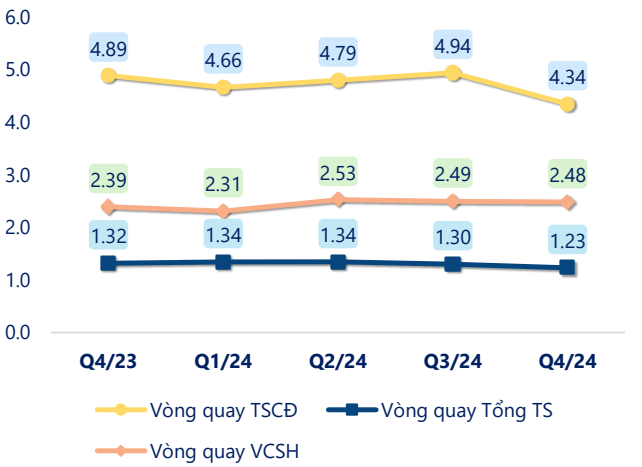

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

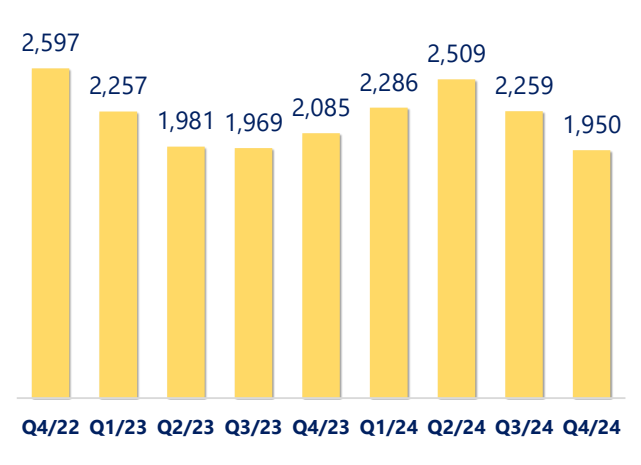

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Cao Su Đà Nẵng (HSX: DRC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,118**	**1,097**	**1.9%**	**4,673**	**4,495**	**4.0%**
Giá vốn hàng bán	977	896	9.0%	3,944	3,847	2.5%
Lợi nhuận gộp	141	202	-30.2%	729	649	12.5%
Doanh thu HĐTC	31.7	16.3	94.4%	69.9	55.2	26.8%
Chi phí TC	18.5	11.2	65.0%	66.3	57.2	15.9%
Chi phí lãi vay	7.20	3.35	115%	21.4	21.1	1.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	49.4	71.1	-30.6%	348	268	30.0%
Chi phí QLDN	**31.7**	**13.9**	**128%**	**94.5**	**71.9**	**31.5%**
LN thuần từ HĐKD	73.1	122	-40.1%	291	307	-5.3%
Lợi nhuận khác	**0.20**	**-0.12**	**263%**	**-1.53**	**0.10**	**-1595%**
LN trước thuế	73.3	122	-39.9%	289	307	-5.8%
Lợi nhuận sau thuế	**59.1**	**95.8**	**-38.3%**	**232**	**246**	**-5.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**59.1**	**95.8**	**-38.3%**	**232**	**246**	**-5.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

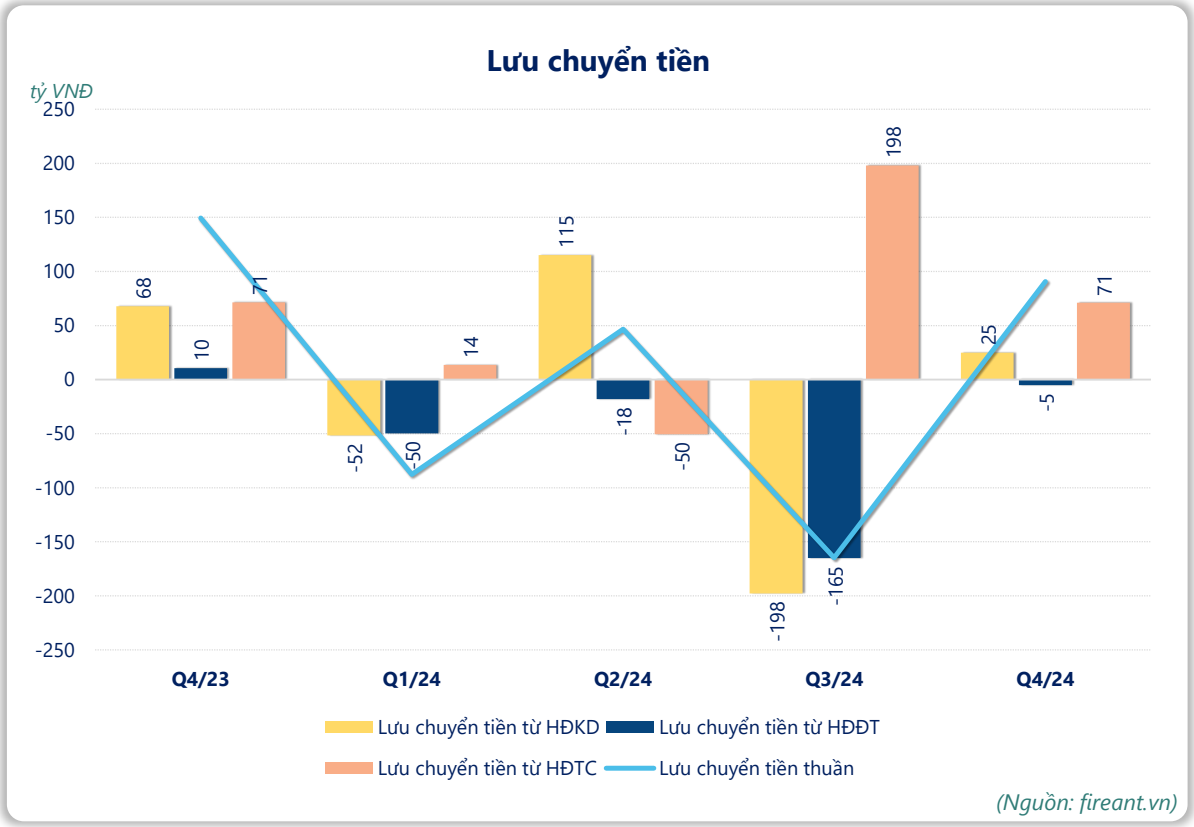

(Nguồn: fireant.vn)